

Số: 28 /QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc xếp hạng Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương năm 2018**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 673/QĐ-BTP ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Bảng Tiêu chí thi đua, thang điểm đánh giá xếp hạng Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2018;

Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp hạng Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2018, cụ thể như sau:

1. Hạng A (Xuất sắc): 40 đơn vị;
2. Hạng B (Khá): 23 đơn vị.

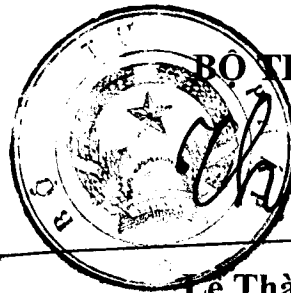
(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*xxx*

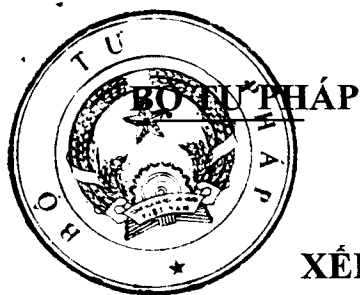
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, TĐKT.



BỘ TRƯỞNG

Le Thành Long
Le Thành Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
XẾP HẠNG SỞ TƯ PHÁP CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 28 /QĐ-BTP ngày 07 tháng 01 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

HẠNG A (Xuất sắc): 40 đơn vị.			
TT	Đơn vị	TT	Đơn vị
1.	Sở Tư pháp tỉnh An Giang;	21.	Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
2.	Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;	22.	Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
3.	Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;	23.	Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
4.	Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh;	24.	Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
5.	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;	25.	Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
6.	Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;	26.	Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
7.	Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên;	27.	Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
8.	Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;	28.	Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
9.	Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;	29.	Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
10.	Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;	30.	Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
11.	Sở Tư pháp tỉnh Long An;	31.	Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
12.	Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;	32.	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
13.	Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;	33.	Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
14.	Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;	34.	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
15.	Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	35.	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
16.	Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;	36.	Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh;
17.	Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;	37.	Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
18.	Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;	38.	Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
19.	Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;	39.	Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
20.	Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;	40.	Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa.

HẠNG B (Khá): 23 đơn vị.			
TT	Đơn vị	TT	Đơn vị
1.	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;	7.	Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
2.	Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;	8.	Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
3.	Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;	9.	Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
4.	Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;	10.	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
5.	Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;	11.	Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
6.	Sở Tư pháp tỉnh Nam Định;	12.	Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;

HẠNG B (Khá): 23 đơn vị.

TT	Đơn vị	TT	Đơn vị
13.	Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;	19.	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
14.	Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;	20.	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
15.	Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;	21.	Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
16.	Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;	22.	Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
17.	Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;	23.	Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
18.	Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;		